

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**XÃ HÒA AN**

Số: 417/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hòa An, ngày 25 tháng 07 năm 2022.*

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng  
xã nông thôn mới Hòa An, huyện Chợ Mới đến năm 2030**

**Kính gửi : Hội Đồng Nhân dân xã Hòa An**

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điểm của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc xác định và quản lý chi phí lập, thẩm định quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Anh Thư tại cuộc họp về thực hiện xã nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Công văn số 2079/VP-ĐT ngày 02/12/2019 của Văn phòng HĐND-UBND huyện về việc rà soát Tiêu chí về Quy hoạch để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 3683/SXD-QLN&HTKT, ngày 26/11/2019 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc rà soát Tiêu chí 1 về Quy hoạch để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, các đồ án Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn huyện sắp hết thời kỳ quy hoạch.

Căn cứ Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND Huyện Chợ mới về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòa An, huyện Chợ Mới đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân xã Hòa An thống nhất trình Phòng kinh tế hạ tầng huyện Chợ Mới một số nội dung sau:

**1. Tên đồ án:**

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới Hòa An, Huyện Chợ Mới đến năm 2030.

**2. Tỷ lệ nghiên cứu: 1/10.000**

**3. Phạm vi, Ranh giới lập quy hoạch:**

Phạm vi nghiên cứu: gồm toàn phần ranh giới hành chính xã Hòa An hiện tại.

Về ranh giới:

- Phía Đông : Giáp xã Hội An
- Phía Tây : Giáp sông Hậu, TP. Long Xuyên.
- Phía Nam : Giáp xã Bình Thành – thị trấn Lấp Vò – Đồng Tháp.
- Phía Bắc : Giáp xã Hòa Bình.

Về quy mô: Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là 1.881,98 ha.

**4. Mục tiêu:**

- Đánh giá thực trạng và rà soát việc thực hiện quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

- Đề xuất các giải pháp khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt và hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Điều chỉnh việc sử dụng đất để tạo cơ sở pháp lý lập kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý tạo không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của xã.

- Làm cơ sở cho việc thiết kế và xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã.

- Đề xuất phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung. Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, dịch vụ, tổ chức phát triển giao thông nông thôn.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã.

**5. Dự báo phát triển dân số:**

- Năm 2025: Dân số toàn xã: 20.500 người.

- Năm 2030: Dân số toàn xã: 21.500 người.

**6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:**

| TT | Hạng mục                  | Đơn vị                | Chỉ tiêu Quy hoạch |
|----|---------------------------|-----------------------|--------------------|
| 1  | Chỉ tiêu sử dụng đất      |                       |                    |
|    | Đất ở                     | m <sup>2</sup> /người | 150                |
| 2  | Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật |                       |                    |

| TT | Hạng mục                 | Đơn vị     | Chỉ tiêu Quy hoạch |
|----|--------------------------|------------|--------------------|
|    | Tỷ lệ đất giao thông     | %          | 18 - 30            |
|    | Mật độ công thoát nước   | m/ha       | 96                 |
|    | Cấp nước sinh hoạt       | l/ng-ng-đ  | 100                |
|    | Thoát nước bản sinh hoạt | l/ng-ng-đ  | 100                |
|    | Rác thải                 | kg/ng-ng-đ | 0.8                |
|    | Cấp điện sinh hoạt       | KW/hộ      | 1.5                |

## **7. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể toàn xã**

### **7.1 Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

Mỗi xã cần được quy hoạch ít nhất một khu trung tâm. Xã có quy mô lớn về dân số, diện tích có thể có trung tâm chính và trung tâm phụ. Tại khu trung tâm bố trí các công trình quan trọng phục vụ nhu cầu giao dịch hành chính, mua bán, nghỉ ngơi, giải trí cụ thể:

- Trung tâm hành chính xã:
- + Trụ sở HĐND, UBND xã: Giữ nguyên vị trí tại điểm dân cư số 1, thuộc ấp Bình Thạnh 1 quy mô 1.641,54 m<sup>2</sup> nhằm đảm bảo tiêu chuẩn, tiêu chí quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
- + Quân sự xã: Giữ nguyên vị trí tại điểm dân cư số 1, thuộc ấp Bình Thạnh 1, quy mô 855,18m<sup>2</sup>.
- + Các công trình trụ sở xây dựng với tầng cao từ 01 đến 02 tầng hình thức kiến trúc đảm bảo tính trang nghiêm phù hợp với chức năng hoạt động.
- Trung tâm Văn hóa, Thể dục thể thao xã:
- + Nhà văn hóa xã xây dựng mới với quy mô 4.615,38 m<sup>2</sup>, vị trí tại điểm dân cư số 1, thuộc ấp Bình Thạnh 1.
- + Sân TDTT trung tâm xây dựng mới với quy mô 12.391,85 m<sup>2</sup>, vị trí tại điểm dân cư số 1, thuộc ấp Bình Thạnh 1.
- + Xây dựng mới công viên trung tâm, quy mô 5.472,4m<sup>2</sup> tại điểm dân cư số 1, thuộc ấp Bình Thạnh 1.

### **7.2 Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo:**

#### **a. Khu dân cư mới**

- Phát triển các điểm dân cư tập trung tại các vị trí thuận lợi về giao thông, có nền đất ổn định và có quá trình lịch sử hình thành nhằm tạo động lực thúc đẩy đô thị hóa nông thôn, đưa các dịch vụ, tiện ích công cộng về gần hơn với cư dân nông thôn, làm cho người dân thụ hưởng các tiện ích một cách tối ưu nhất. Là cơ sở để thu hút các hộ dân sống rải rác, nhỏ lẻ, phân tán trên địa bàn xã dịch chuyển về các điểm dân cư tập trung tạo điều kiện tốt cho sinh hoạt và sản xuất.

- Các điểm dân cư phát triển theo hình thức tập trung tạo thuận lợi trong giao dịch cộng đồng, đảm bảo đầu tư hạ tầng kinh tế và ổn định dân cư, hạn chế đền bù giải tỏa. Quy hoạch các điểm dân cư dưới hình thức nhà ở gắn với vườn sản xuất.

- Tôn trọng cấu trúc ấp truyền thống đã phát triển lâu đời tại xã, bổ xung các không gian cần thiết, cải tạo và xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội phù hợp với các tiêu chí nông thôn mới.

- Phân định rõ giữa không gian sinh hoạt dân cư và không gian sản xuất nhằm tiết kiệm quỹ đất từ đó tạo điều kiện cho cơ giới hóa nông nghiệp trên quy mô lớn.

- Phát triển không gian ở và không gian sản xuất.

- Tính toán khoảng cách ly cần thiết giữa không gian ở và không gian sản xuất có tính tác động đến môi trường xung quanh.

- Khung phát triển kiến trúc khu dân cư bao gồm những yếu tố cơ bản tạo nên không gian kinh tế, không gian cảnh quan và phân định các khu chức năng chính của dân cư. Cụ thể:

+ Không gian thương mại dịch vụ: Các công trình điểm nhấn được bố trí tại các vị trí: Tại các trục cảnh quan chính, tại những giao lộ của các trục giao thông chính, tại các vị trí cửa ngõ.

+ Không gian cây xanh, không gian mở được gắn kết với trung tâm hành chính cấp khu vực và các khu vực hướng tâm ra không gian mở ven sông, kênh, rạch.

Trên cơ sở rà soát đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa An đã được duyệt, đồng thời cập nhật kế hoạch sử dụng năm 2020 huyện Chợ Mới và theo tình hình thực tế về dân cư tại địa phương; định hướng tổ chức các khu dân cư như sau:

**\* Các điểm dân cư mới:**

- Điểm dân cư số 2:

+ Vị trí: thuộc ấp Bình Phú

+ Quy mô dân số: khoảng 540 người.

+ Nhu cầu đất ở: 8,22ha

- Điểm dân cư số 3:

+ Vị trí: thuộc ấp An Thạnh

+ Quy mô dân số: khoảng 600 người

+ Nhu cầu đất ở: 10,12 ha

**b. Các điểm dân cư, tuyến dân cư cải tạo**

- Cải tạo khu dân cư hiện trạng, tăng mật độ xây dựng, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới.

- Dựa vào hiện trạng tại khu vực, định hướng quy hoạch trên cơ sở nâng cấp các công trình công cộng hiện có. Hệ thống giao thông được kết nối thuận tiện để tạo ra những không gian ở nối kết thuận tiện với các khu vực sản xuất trong xã.

**\* Các điểm dân cư hiện hữu cải tạo:**

- Điểm dân cư số 1:

+ Vị trí: thuộc ấp Bình Thạnh 1

+ Quy mô dân số: khoảng 455 người.

+ Nhu cầu đất ở: 6,83ha.

**\* Các tuyến dân cư:**

- Tuyến dân cư đường tỉnh 946:

+ Quy mô dân số: khoảng 3.760 người.

+ Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

+ Nhu cầu đất ở: 33,97ha.

- Tuyến dân cư đường huyện 17:
- + Quy mô dân số: khoảng 4.100 người.
- + Tính chất: Hiện hữu mở rộng.
- + Nhu cầu đất ở: 40,25ha.
- Tuyến dân cư rạch Cái Tây:
- + Quy mô dân số: khoảng 1.900 người.
- + Tính chất: Hiện hữu mở rộng.
- + Nhu cầu đất ở: 23,86ha.
- Tuyến dân cư rạch Cái Bàu:
- + Quy mô dân số: khoảng 1.600 người.
- + Tính chất: Hiện hữu mở rộng.
- + Nhu cầu đất ở: 19,61ha.
- Tuyến dân cư kênh Ngọn Cái Sơn:
- + Quy mô dân số: khoảng 930 người.
- + Tính chất: Hiện hữu mở rộng.
- + Nhu cầu đất ở: 9,56ha.
- Tuyến dân cư rạch Thông Lưu:
- + Quy mô dân số: khoảng 5.000 người.
- + Tính chất: Hiện hữu mở rộng.
- + Nhu cầu đất ở: 61,91ha.
- Tuyến dân cư xép cồn An Thạnh:
- + Quy mô dân số: khoảng 1.600 người.
- + Tính chất: Hiện hữu mở rộng.
- + Nhu cầu đất ở: 28,22ha.

Ngoài ra các khu vực dân cư rải rác bám trên các trục kênh rạch và bám theo các thửa đất sản xuất, nằm ngoài các điểm dân cư tập trung và đất dự án dân cư với dân số khoảng 915 người.

### **7.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

#### **a. Công trình y tế**

- Trạm y tế xã:

Hiện tại xã đã có trạm y tế quy mô 1.273m<sup>2</sup>, tại vị trí tuyến dân cư đường tỉnh 946 thuộc ấp Bình Thạnh 1. Định hướng: Xây dựng mới quy mô 1.109m<sup>2</sup> tại điểm dân cư số 1 thuộc ấp Bình Thạnh 1, xây dựng phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Trạm y tế cũ chuyển đổi thành đất chợ.

#### **b. Công trình giáo dục và đào tạo**

##### **\* Trường mầm non:**

Hiện tại trên địa bàn xã Hòa An có 04 điểm trường mầm non (tại các ấp An Thạnh, Bình Thạnh 1, Bình Thạnh 2, Bình Phú), với tổng quy mô 7.117,43m<sup>2</sup>, trong đó trường mẫu giáo Hòa An đã đạt chuẩn quốc gia, tuy nhiên chưa đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng nông thôn.

Đồng thời, với nhu cầu dân số tăng thêm đến năm 2030 diện tích đất xây dựng trường mầm non cần bổ sung thêm để đạt quy mô 12.900m<sup>2</sup>. Vì vậy đề xuất bổ sung thêm 2 điểm trường mới và mở rộng 1 điểm trường cũ, cụ thể:

- Các điểm trường mẫu giáo tôn tạo, mở rộng:

+ Điểm 01:

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư cồn An Thạnh thuộc ấp An Thạnh.

. Quy mô: từ 01 đến 02 tầng, diện tích 612,38m<sup>2</sup>

+ Điểm 02

. Giữ nguyên vị trí tại điểm dân cư số 1 thuộc ấp Bình Thạnh 1.

. Quy mô: 4.735,24m<sup>2</sup>.

+ Điểm 03

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư Rạch Thông Lưu thuộc ấp Bình Thạnh 2.

. Quy mô: 538,75m<sup>2</sup>.

+ Điểm 04

. Giữ nguyên vị trí tại điểm dân cư số 2 thuộc ấp Bình Phú.

. Mở rộng lên quy mô: 2.814,18m<sup>2</sup>.

=> Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, trang trí nhiều màu sắc vui tươi, tránh màu tối.

- Các điểm trường mẫu giáo quy hoạch mới.

+ Điểm 05:

. Vị trí: Xây dựng mới tại ấp An Mỹ.

. Quy mô: 2.000m<sup>2</sup>. Tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Điểm 06:

. Vị trí: Xây dựng mới tại ấp Bình Quới.

. Quy mô: 3.000m<sup>2</sup>. Tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

=> Định hướng kiến trúc: Xây dựng phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

### **\* Trường tiểu học:**

Hiện hữu diện tích trường tiểu học khoảng 22.155 m<sup>2</sup> vẫn đảm bảo nhu cầu đến năm 2030. Tuy nhiên mới có trường tiểu học A và C Hòa An đạt chuẩn quốc gia, vì vậy cần được đầu tư nâng cấp chất lượng để các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia – đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

- Trường tiểu học A : 02 điểm trường

+ Điểm 01 (ấp Bình Thạnh 1):

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư đường tỉnh 946.

. Quy mô: 5.006,9m<sup>2</sup>.

+ Điểm 02 (ấp An Thạnh):

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư cồn An Thạnh.

. Quy mô: 2.159,18m<sup>2</sup>.

=> Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

- Trường tiểu học B Hòa An: 03 điểm trường

+ Điểm 01 (ấp Bình Thạnh 1):

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư Rạch Thông Lưu.

. Quy mô: 2.061,04m<sup>2</sup>.

+ Điểm 02 (ấp Bình Quới):

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư đường huyện 17.

. Quy mô: 4.483,33m<sup>2</sup>

+ Điểm 03 (ấp Bình Phú):

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư Rạch Cái Tây.

. Quy mô: 348,17m<sup>2</sup>.

=> Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

- Trường tiểu học C Hòa An: 01 điểm trường

+ Điểm 01 (ấp An Mỹ):

. Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư Rạch Thông Lưu.

. Quy mô: 6.586,73m<sup>2</sup>.

=> Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

#### **\* Trường trung học cơ sở:**

Diện tích trường trung học cơ sở hiện hữu (Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Cung) tại ấp Bình Thạnh 1 quy mô khoảng 6.025,88m<sup>2</sup> - chưa đạt chuẩn quốc gia, chưa đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng nông thôn.

Đồng thời, với nhu cầu dân số tăng thêm đến năm 2030 diện tích đất xây dựng trường Trung học cơ sở cần bổ sung thêm để đạt quy mô 11.825m<sup>2</sup>. Vì vậy đề xuất giữ nguyên vị trí, mở rộng quy mô lên 12.007m<sup>2</sup>.

#### **\* Trường trung học phổ thông**

Do dân số xã Hòa An đến năm 2030 đạt 21.500 người, vì vậy đề xuất xây dựng mới trường trung học phổ thông để đảm bảo nhu cầu học hành của người dân. Định hướng quy mô 9.011,93m<sup>2</sup>, xây dựng mới tại tuyến dân cư đường tỉnh 946 ấp Bình Thạnh 1.

#### **c. Các công trình văn hóa, thể thao:**

- Nhà sinh hoạt văn hóa các ấp: Hiện tại, các điểm sinh hoạt văn hóa tại các ấp đã xuống cấp, quy mô nhỏ không đảm bảo hoạt động. Định hướng mỗi một ấp được quy hoạch phát triển mới 01 nhà văn hóa với quy mô tối thiểu 300m<sup>2</sup>.

- Sân thể thao các ấp: Hiện tại trên địa bàn các ấp chưa có sân thể thao, đề xuất mỗi ấp xây dựng mới 01 sân thể thao gắn với không gian nhà sinh hoạt văn hóa các ấp với quy mô tối thiểu 500m<sup>2</sup>.

#### **d. Chợ và công trình dịch vụ**

Hệ thống chợ hiện hữu trên địa bàn xã (02 điểm chợ - gồm 01 chợ trung tâm Hòa An, 01 chợ dân sinh An Khánh, quy mô trung bình 1.230m<sup>2</sup>/chợ), cơ bản đảm bảo nhu cầu người dân, tuy nhiên chưa đủ diện tích đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Đề xuất cải tạo và xây dựng mới các điểm chợ cụ thể như sau:

#### **\* Các chợ cải tạo:**

- Chợ Hòa An:

+ Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư đường tỉnh 946 ấp Bình Thạnh 1

+ Bổ sung thêm diện tích lấy từ trạm y tế cũ.

+ Quy mô: 3.067,19m<sup>2</sup>.

- Chợ An Khánh:

+ Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư rạch Thông Lưu ấp An Mỹ.

+ Quy mô: 668m<sup>2</sup>.

**\* Các chợ xây dựng mới:**

- Chợ Bình Thạnh 1:

+ Xây dựng mới tại điểm dân cư số 1 thuộc ấp Bình Thạnh 1

+ Quy mô: 4.000m<sup>2</sup>.

- Chợ Bình Phú:

+ Xây dựng mới tại tuyến dân cư đường huyện 17 cũ ấp Bình Phú

+ Quy mô: 2.400m<sup>2</sup>.

**\* Các công trình thương mại dịch vụ khác:**

Nhà hàng, các cửa hàng tiện lợi: Dọc đường tỉnh 946, đường huyện 17 cũ.

Định hướng kiến trúc chợ: Kiến trúc cao 01 đến 02 tầng dạng khung thép tiền chế, vật liệu bao che ưu tiên nhôm và kính..

#### **e. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông**

Mỗi xã cần quy hoạch 01 Điểm phục vụ bưu chính viễn thông (bao gồm cả truy cập internet) phạm vi phục vụ toàn xã.

### **7.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất**

#### **a. Các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề:**

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các ngành chế biến nông-lâm - thủy sản, sản xuất phân bón, thu mua nông sản, xây dựng... để phục vụ công tác xây dựng tại địa phương.

- Khuyến khích phát triển dịch vụ đầu tư, dịch vụ phân phối bán lẻ, phục vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm cả cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm cho nông - lâm - ngư nghiệp và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Giữ nguyên hiện trạng hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất TTCN hiện có trên địa bàn, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và bảo vệ môi trường.

- Di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hiện hữu gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư và không phù hợp theo quy hoạch ngành.

#### **b. Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp**

- Tiếp tục chuyển đổi cây trồng và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ cao vào sản xuất; kết hợp với quy hoạch vùng sản xuất theo hướng giảm diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu và cây ăn trái; nhân rộng các mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả như: “trồng rau an toàn trong nhà lưới”, “trồng cây có múi, mô hình trồng xoài cát chu, cát hòa lộc”; mô hình “trồng hoa gắn với du lịch nhà vườn”; xây dựng các sản phẩm hàng hóa đạt tiêu chuẩn Vietgap; triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình “liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ lúa gạo” tạo mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ nhằm ổn định thu nhập cho nông dân; củng cố hợp tác xã hoạt động thực sự có hiệu quả. Kêu gọi đầu tư xây dựng các cơ sở, kho vừa thu mua nông sản trên địa bàn.

- Xây dựng mới Vùng trồng hoa An Thạnh, quy mô 3ha tại cồn An Thạnh.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường khó tính.

- Di dời các cơ sở chăn nuôi hộ gia đình trong các điểm dân cư gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp theo quy hoạch ngành ra khỏi phạm vi điểm dân cư tập trung.

- Duy trì các mô hình ao hồ nuôi trồng thủy sản hiện hữu có hiệu quả, cần chú trọng lựa chọn con giống và nguồn thức ăn phù hợp.

### **7.5. Định hướng tổ chức các khu chức năng trên địa bàn**

#### **a. Khu vực sản xuất công nghiệp**

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp khác được giữ lại nhưng phải đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất.

- Xây dựng mới 01 cụm công nghiệp cụ thể:

Cụm công nghiệp Hòa An

+ Vị trí: xây dựng mới tại ấp An Thạnh

+ Quy mô: 75,79ha

+ Tính chất: là cụm công nghiệp tập trung phát triển chủ yếu ngành chế biến nông thủy sản và một số ngành kêu gọi đầu tư khác.

#### **b. Khu vực chức năng khác**

- Xây dựng mới đất công trình hỗn hợp cụ thể:

+ Đất công trình hỗn hợp thuộc ấp Bình Thạnh 1 quy mô 15,46ha.

+ Đất công trình hỗn hợp thuộc ấp An Mỹ quy mô 2.751m<sup>2</sup>.

+ Đất dự trữ phát triển thương mại dịch vụ thuộc ấp Bình Quới quy mô 15,77ha.

- Các công trình thương mại dịch vụ: Cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

- Các khu vực có khả năng phát triển và hạn chế phát triển:

+ Các khu vực có khả năng phát triển: khu trung tâm xã, các điểm dân cư hiện hữu mở rộng và khu dân cư xây dựng mới.

+ Các khu vực hạn chế phát triển: dân cư hiện hữu tại các khu vực quy hoạch là vùng nông nghiệp của xã, khu dự trữ phát triển.

- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng: Các công trình đầu mối kết nối hạ tầng được thực hiện theo các tuyến đường giao thông.

### **8. Quy hoạch sử dụng đất**

| ST<br>T  | Loại đất               | Hiện trạng          |                   | Quy hoạch đợt đầu   |                   |                         | Quy hoạch dài hạn   |                   |                          |
|----------|------------------------|---------------------|-------------------|---------------------|-------------------|-------------------------|---------------------|-------------------|--------------------------|
|          |                        | Diện tích           | Tỉ lệ             | Diện tích           | Tỉ lệ             | Tăng giảm               | Diện tích           | Tỉ lệ             | Tăng giảm                |
|          |                        | (ha)                | (%)               | (ha)                | (%)               | (ha)                    | (ha)                | (%)               | (ha)                     |
|          | <b>Tổng</b>            | <b>1893,1<br/>3</b> | <b>100</b>        | <b>1893,1<br/>3</b> | <b>100</b>        | <b>0</b>                | <b>1893,1<br/>3</b> | <b>100</b>        | <b>0</b>                 |
| <b>I</b> | <b>Đất nông nghiệp</b> | <b>1323,2</b>       | <b>69,8<br/>9</b> | <b>1264,9<br/>8</b> | <b>66,8<br/>2</b> | <b>-<br/>58,2<br/>2</b> | <b>1133,0<br/>4</b> | <b>59,8<br/>5</b> | <b>-<br/>190,1<br/>6</b> |
| 1.1      | Đất trồng lúa          | 1017,8<br>2         | 53,7<br>6         | 968,72              | 51,1<br>7         | -<br>49,1               | 856,34              | 45,2<br>3         | -<br>161,4               |

|            |                             |               |                         |               |                         |                         |               |                         |              |
|------------|-----------------------------|---------------|-------------------------|---------------|-------------------------|-------------------------|---------------|-------------------------|--------------|
|            |                             |               |                         |               |                         | 0                       |               |                         | 8            |
| 1.2        | Đất trồng cây khác          | 288,14        | 15,2 <sub>2</sub>       | 290,5         | 15,3 <sub>4</sub>       | 2,36                    | 270,94        | 14,3 <sub>1</sub>       | -17,2        |
| 1.3        | Đất nuôi trồng thủy sản     | 17,24         | 0,91                    | 5,76          | 0,30                    | 11,4 <sub>8</sub>       | 5,76          | 0,30                    | 11,48        |
| <b>II</b>  | <b>Đất xây dựng</b>         | <b>328,57</b> | <b>17,3<sub>6</sub></b> | <b>388,13</b> | <b>20,5<sub>0</sub></b> | <b>59,5<sub>6</sub></b> | <b>470,57</b> | <b>24,8<sub>6</sub></b> | <b>142</b>   |
| 2.1        | Đất ở                       | 219,99        | 11,6 <sub>2</sub>       | 222,22        | 11,7 <sub>4</sub>       | 2,23                    | 241,49        | 12,7 <sub>6</sub>       | 21,5         |
| 2.2        | Đất công cộng               | 4,47          | 0,24                    | 8,03          | 0,42                    | 3,56                    | 8,03          | 0,42                    | 3,56         |
| 2.2.1      | Đất công cộng giáo dục      | 3,53          | 0,19                    | 5,54          | 0,29                    | 2,01                    | 5,54          | 0,29                    | 2,01         |
| 2.2.2      | Đất công cộng y tế          | 0,13          | 0,01                    | 0,11          | 0,01                    | 0,02                    | 0,11          | 0,01                    | -0,02        |
| 2.2.3      | Đất công cộng văn hóa       | 0,04          | 0,00 <sub>2</sub>       | 0,95          | 0,05                    | 0,91                    | 0,95          | 0,05                    | 0,91         |
| 2.2.4      | Đất công cộng khác          | 0,77          | 0,04                    | 1,43          | 0,08                    | 0,66                    | 1,43          | 0,08                    | 0,66         |
| 2.3        | Đất tôn giáo tín ngưỡng     | 2,27          | 0,12                    | 2,27          | 0,12                    | 0,00                    | 2,27          | 0,12                    | 0            |
| 2.4        | Đất công nghiệp             | 39,78         | 2,10                    | 87,34         | 4,61                    | 47,5 <sub>6</sub>       | 113           | 5,97                    | 73,22        |
| 2.5        | Đất xây dựng chức năng khác | 0,03          | 0,00 <sub>2</sub>       | 0,27          | 0,01 <sub>4</sub>       | 0,24                    | 15,74         | 0,83 <sub>1</sub>       | 15,71        |
| 2.6        | Đất hạ tầng kỹ thuật        | 62,03         | 3,28                    | 68            | 3,59                    | 5,97                    | 90,04         | 4,76                    | 28,01        |
| 2.6.1      | Đất giao thông              | 58,74         | 3,10                    | 66,01         | 3,49                    | 7,27                    | 86,86         | 4,59                    | 28,12        |
| 2.6.2      | Đất nghĩa địa nghĩa trang   | 1,92          | 0,10                    | 1,92          | 0,10                    | 0,00                    | 3,11          | 0,16                    | 1,19         |
| 2.6.3      | Đất hạ tầng kỹ thuật khác   | 1,37          | 0,07 <sub>2</sub>       | 0,07          | 0,00 <sub>4</sub>       | 1,30                    | 0,07          | 0,00 <sub>4</sub>       | -1,3         |
| <b>III</b> | <b>Đất khác</b>             | <b>241,36</b> | <b>12,7<sub>5</sub></b> | <b>240,02</b> | <b>12,6<sub>8</sub></b> | <b>-1,34</b>            | <b>289,52</b> | <b>15,2<sub>9</sub></b> | <b>48,16</b> |
| 3.1        | Đất mặt nước                | 241,36        | 12,7 <sub>5</sub>       | 240,02        | 12,6 <sub>8</sub>       | 1,34                    | 237,73        | 12,5 <sub>6</sub>       | -3,63        |
| 3.2        | Đất dự kiến phát triển      | 0             | -                       | 0             | -                       | 0                       | 51,79         | 2,74                    | 51,79        |

## 9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### a. Giao thông:

- Hệ thống đường tỉnh

Đường tỉnh ĐT 946: Lộ giới quản lý 29m (với đoạn ngoài khu vực phát triển dân cư): mỗi bên là 14,5 mét tính từ tim đường hiện hữu..

- Hệ thống đường huyện:

Theo Quy hoạch giao thông đường bộ và đường thủy tỉnh An Giang đã duyệt, hệ thống các tuyến đường huyện trên địa bàn xã được định hướng như sau:

+ Đường huyện ĐH17: Được quy hoạch với lộ giới 20m (theo định hướng Quy hoạch chung đô thị Hội An) gồm: Lòng đường chính 7m, lề đường hai bên  $2 \times 3 = 6\text{m}$ , khoảng lùi xây dựng 2 bên  $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$ .

+ Đường huyện ĐH17B: Quy hoạch kéo dài từ đoạn qua xã Hội An nối sang xã Hòa Bình. Được quy hoạch với lộ giới 29m gồm: Lòng đường chính 7m, lề đường hai bên  $2 \times 1 = 2\text{m}$ , khoảng lùi xây dựng 2 bên  $2 \times 10\text{m} = 20\text{m}$ .

- Hệ thống đường xã:

+ Hệ thống đường xã được quy hoạch với phạm vi đất dành cho đường bộ là 20 mét; mỗi bên là 10 mét tính từ tim đường hiện hữu. Đối với các đoạn đi qua khu vực phát triển đô thị tập trung được quy hoạch với lộ giới tối thiểu 12m (gồm lòng đường 6m, vỉa hè hai bên  $2 \times 3\text{m}$ ).

+ Các tuyến đường xã quy hoạch mới (lộ giới 20m) bao gồm:

. Tuyến qua khu vực cụm công nghiệp ấp An Thạnh: Tuyến kết nối ĐT 946 sang ấp Bình Thạnh 1, Bình Thạnh 2 và tuyến nối sang xã Hòa Bình;

. Tuyến kết nối từ ĐH 17 qua ấp Bình Thạnh 2 và sang ấp An Mỹ;

+ Các tuyến đường xã quy hoạch nâng cấp, mở rộng (lộ giới 20m) bao gồm các tuyến đi dọc hai bên kênh 19-5, rạch Cái Tây, rạch Thông Lưu, rạch Cái Bàn và một số tuyến đường xã hiện hữu.

+ Đường trong khu dân cư (ngõ, hẻm ...): Để đảm bảo lưu thông thuận tiện cũng như việc bố trí hạ tầng kỹ thuật thì các tuyến đường này cần phải bảo đảm một khoảng rộng nhất định, quy định Theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế gồm các Quy định về chiều rộng tối thiểu của mặt đường, lề đường, chiều rộng nền đường đối với các cấp đường GTNT theo bản sau:

| Cấp kỹ thuật của đường | Tốc độ thiết kế, Km/h | Chiều rộng nền, m | Chiều rộng mặt, m | Chiều rộng lề, m |
|------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| A                      | 30                    | 6,5               | 3,5               | 1,50             |
| B                      | 20                    | 5,0               | 3,5               | 0,75             |
| C                      | 15                    | 4,0               | 3,0               | -                |
| D                      | -                     | 2,0               | 1,5               | -                |

+ Về việc quy hoạch giao thông đối với các tuyến đường quy hoạch để phát triển kinh tế - xã hội: Căn cứ theo bản trên và hiện trạng thực tế giao thông tại xã áp dụng 02 cấp A và B cho phù hợp. Hoặc lớn hơn cấp A hoặc:

. Đối với các tuyến có bề rộng  $\geq 8\text{m}$ , giữ nguyên hiện trạng.

. Đối với các tuyến có bề rộng  $< 8\text{m}$  tùy điều kiện thực tế sẽ được quy hoạch mở rộng thành 8m. Các hộ dân dọc 2 bên đường khi xây dựng nhà mới phải thụt lùi vô sao cho các đường có lộ giới 8m. Trong đó bề rộng phần xe chạy là 5m, lề mỗi bên 1,5m dùng để bố trí các đường ống kỹ thuật phục vụ khu dân cư.

- Công trình cầu:

+ Các công trình cầu trên địa bàn xã được xây mới có kết cấu bê tông cốt thép hoặc bê tông dự ứng lực.

+ Tất cả các cầu xây mới trên địa bàn xã được xây dựng phải tuân theo các quy định trong các Tiêu chuẩn thiết kế cầu đối với đường ô tô hiện hành mà công trình cầu nằm trên tuyến.

### ***b. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng***

#### **\* San nền**

- Xử lý cục bộ theo từng công trình cụ thể tuân thủ địa hình tự nhiên, tránh tình trạng ngập úng cục bộ. Cao độ xây dựng không chế tối thiểu cho từng công trình phụ thuộc vào từng vị trí nhưng phải đảm bảo không ngập úng, hài hoà với các công trình hiện có và không làm ảnh hưởng tới các công trình hiện có lân cận.

- Cao trình đỉnh lũ năm 2011 : khoảng +3,0m.

- Đối với các tuyến đường giao thông kết hợp đê bao kiên cố: Chiều cao vượt lũ tối thiểu 0,5m so mực nước lũ ứng với tần suất thiết kế. Như vậy cao độ thiết kế đường giao thông, đê bao kiên cố trên địa bàn xã từ +3,50m.

#### **\* Thoát nước mưa**

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo hướng chia nhỏ lưu vực để tiêu thoát nước nhanh nhất.

- Các giải pháp thoát nước trên địa bàn xã Hòa An:

+ Xây dựng hệ thống mương thoát nước dọc theo các trục đường giao thông chính của xã. Đối với các khu vực đông dân cư để đảm bảo an toàn nên xây dựng hệ thống mương có nắp đan, khẩu độ mương được tính toán căn cứ vào lưu vực, điều kiện thủy văn ...

+ Đối với các tuyến mương hiện hữu trên địa bàn xã cần được duy tu, nạo vét thường xuyên tránh ứ đọng rác ... nâng cấp các tuyến mương đã xuống cấp.

+ Quy hoạch các mảng xanh, công viên và một số tuyến đường đi qua khu dân cư tạo điều kiện để bố trí các tuyến cống, mương thoát nước với khẩu độ lớn giảm thiểu ngập úng cục bộ.

+ Tăng cường nạo vét, cải tạo tuyến kênh rạch, gia cố bờ rạch, suối tại các vị trí dễ sạt lở bằng kè bê tông hoặc xây đá, trồng cỏ ... Quản lý hoạt động xây dựng không lấn chiếm lòng kênh, rạch.

+ Hạn chế sử dụng các vật liệu phủ bề mặt không thấm nước để tăng cường khả năng thấm, giảm lưu lượng dòng chảy trên bề mặt.

- Giải pháp xây dựng hệ thống thoát nước trên các trục giao thông chính:

+ Trên tuyến ĐT 946 cần cải tạo nâng cấp hệ thống mương dọc 2 bên đường đạt khẩu độ mương tối thiểu B800.

+ Trên tuyến ĐH17 và ĐH17B cần cải tạo nâng cấp và xây mới hệ thống mương dọc 2 bên đường đạt khẩu độ mương tối thiểu B600.

+ Đối với các tuyến đường còn lại trong xã xây dựng hệ thống mương 2 bên đường với khẩu độ tối thiểu B400.

+ Đối với các khu vực dân cư tập trung cần xây dựng hệ thống mương – nắp đan để đảm bảo an toàn.

### **c. Cấp nước**

\* Nguồn cấp nước:

Xã sử dụng nguồn nước mặt rạch Lấp Vò (trạm cấp nước ấp Bình Quới và ấp Bình Thạnh 1) thông qua đường ống truyền tải đến từng cụm dân cư.

\* Nhu cầu dùng nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt đến năm 2030: 90 lít/người-ngđ với 95% dân số.

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn xã đến năm 2030: 3.850m<sup>3</sup>/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước cho công nghiệp: 22m<sup>3</sup>/ha.ngđ

\* Giải pháp cấp nước sinh hoạt:

- Đến năm 2030, nâng công suất Trạm cấp nước Bình Quới lên 1.000 m<sup>3</sup>/ngày, trạm cấp nước ấp Bình Thạnh 1 lên công suất 2.850 m<sup>3</sup>/ngày.

- Xây dựng phát triển mới hệ thống đường ống D220-D110 truyền tải từ trạm cấp nước tập trung đi trên các tuyến đường chính đảm bảo cấp nước liên tục cho toàn xã.

\* Giải pháp cấp nước sản xuất nông nghiệp:

- Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đầu tư nâng cấp xây dựng mới các công trình thủy lợi trên địa bàn xã nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

### **d. Cấp điện**

\* Nhu cầu phụ tải

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt dân cư nông thôn căn cứ Quy chuẩn 01:2019 là 330W/người

- Nhu cầu cấp điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn lấy =20% nhu cầu điện sinh hoạt.

- Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (trạm biến áp khách hàng) trên địa bàn không được tính đến trong đồ án quy hoạch này do mỗi cơ sở có nhu cầu về công suất riêng, không dự tính trước được. Vì vậy, việc cấp đường dây cho các trạm khách hàng sẽ do khách hàng liên hệ với điện lực địa phương để được hướng dẫn đầu tư.

- Tổng nhu cầu điện sinh hoạt của xã Hòa An: 8.681 KVA

\* Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho xã được lấy từ trạm 110/22kv Chợ Mới thông qua các tuyến điện trung áp chạy dọc ĐT 946.

\* Giải pháp xây dựng trạm biến áp:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.

- Trong trung tâm xã các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trên trụ điện, có dung lượng từ 400KVA trở lên.

- Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ từ 50KVA – 250KVA, đặt trên trụ điện.

- \* Giải pháp xây dựng lưới hạ thế:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- Dây dẫn là loại cáp nhôm vện xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không.

- Bán kính cấp điện của trạm hạ thế cho khu dân cư tập trung từ 300m - 500m và các khu vực khác từ 500m - 800m.

- \* Hành lang bảo vệ lưới cao thế:

- Đối với các tuyến điện cao thế, trung thế đi qua địa bàn xã thì hành lang an toàn lưới điện phải tuyệt đối tuân theo nghị định 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 và các qui định hiện hành của ngành điện.

- Khoảng cách ly an toàn đối với đường dây ngoài cùng đường điện cao thế là 6m.

- Khoảng cách ly an toàn đối với đường dây ngoài cùng đường điện trung thế là 3m.

#### ***e. Thông tin liên lạc:***

Hệ thống thông tin hữu tuyến cung cấp hệ thống cáp quang từ một nguồn chính từ tổng đài Bưu điện xã Hòa An theo tuyến cáp thông tin liên lạc đi dọc các trục đường giao thông.

Quy hoạch mạng lưới:

- Mạng cung cấp theo yêu cầu sử dụng, bố trí mạng đi ngầm kết hợp đi nổi trên trụ điện và trụ bù dọc theo các tuyến đường cung cấp cho toàn xã.

- Điện thoại 4G, 5G dần thay thế mạng hữu tuyến.

#### ***g. Thoát nước thải – vệ sinh môi trường và nghĩa trang***

- \* Thoát nước thải

- Tiêu chuẩn thoát nước cho điểm dân cư nông thôn đến năm 2030 lấy bằng 80% chỉ tiêu cấp nước: 70 l/người/ngày.

- Tổng lưu lượng thoát nước thải toàn xã đến năm 2030: 2.765m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải công nghiệp: 18m<sup>3</sup>/ha.ngđ

- Nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ dân, các công trình công cộng... cần tận dụng ao hồ, kênh, rạch, mương để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên, cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại.

- Cụm Công nghiệp Hòa An, các khu sản xuất công nghiệp, chăn nuôi tập trung bắt buộc phải xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ đúng quy chuẩn, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định mới cho chảy ra môi trường.

- Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải công nghiệp công suất 850 m<sup>3</sup>/ngày cho Cụm Công nghiệp Hòa An.

- Các khu sản xuất công nghiệp, chăn nuôi tập trung bắt buộc phải xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ đúng quy chuẩn, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định mới cho chảy ra môi trường.- Vận động 100% các hộ dân xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại đúng quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân có ý thức cao về bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**\* Giải pháp xử lý chất thải rắn**

- Chỉ tiêu về thu gom rác thải: 0,9 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải phát sinh giai đoạn 2030 khoảng: 19,35 tấn/ngày. Rác thải được Công ty Môi trường đô thị huyện Chợ Mới tổ chức thu gom trên các tuyến đường trục chính liên xã, liên ấp và đưa về nhà máy xử lý rác tập trung của huyện để xử lý.

- Khuyến khích các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**\* Nghĩa trang**

- Quy mô nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 dân. Quy hoạch mở rộng nghĩa trang ấp Bình Thạnh 2 diện tích 1,4 ha.

- Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ tạm thời sử dụng, không chế về quy mô. Sau khi đóng cửa cải tạo theo quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

**10. Đánh giá môi trường chiến lược**

*Bảng: Phân vùng chức năng và giải pháp quy hoạch môi trường*

| <b>Các phân vùng</b>                                         | <b>Giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khu vực cải thiện chất lượng môi trường khu dân cư và các ấp | - Kiểm soát ô nhiễm bởi nước thải và CTR khu vực trung tâm xã, và tuyến dân cư dọc trục đường tỉnh 946, ĐH17.<br>- Bố trí hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước bền vững, tỷ lệ diện tích cây xanh giữa các khu chức năng trong khu vực.                                                  |
| Khu vực kiểm soát ô nhiễm đất, nước trong SXNN và làng nghề  | - Kiểm soát phân bón và thuốc BVTV, thu gom và xử lý bao bì<br>- Bảo tồn được không gian sinh thái nông nghiệp<br>- Ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao                                                                                                                            |
| Khu vực hạn chế rủi ro ven sông Hậu                          | - Giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro sạt lở bờ sông Hậu, các khu vực nuôi trồng thủy sản ven sông Hậu (ấp An Thạnh).<br>- Bảo vệ không gian tự nhiên, kè bờ sông<br>- Hạn chế hoạt động xây dựng, lấn chiếm bờ sông, kênh, rạch.                                                                   |
| Khu vực kiểm soát ô nhiễm do sản xuất công nghiệp            | - Kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp Hòa An (ấp An Thạnh) và các khu TTCN.<br>- Quy hoạch hành lang xanh, có hệ thống cây xanh cách ly nhà máy với khu vực xung quanh.<br>- Kiểm soát thu gom và xử lý chất thải trong các công đoạn nuôi trồng và chế biến thủy sản. |

- Giải pháp kỹ thuật

+ Giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước: Đối với điểm và tuyến dân cư không kết nối được với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung sẽ xây dựng bể tự hoại. Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, xây dựng bằng gạch. Bể được chia thành 2 hoặc 3 ngăn.

+ Giải pháp bảo vệ môi trường không khí: Xây dựng không gian xanh cách ly các nguồn gây ô nhiễm không khí và cây xanh trong khuôn viên các công trình công cộng. Sử dụng các nguồn năng lượng sạch (gas, điện) trong sinh hoạt nhằm giảm thiểu phát sinh chất độc hại từ việc sử dụng năng lượng hóa thạch.

+ Giải pháp quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ được phân loại tại nguồn trước khi vận chuyển đến khu xử lý. Từng khu chức năng có phát sinh chất thải nguy hại cần phân loại và xử lý theo Luật bảo vệ môi trường.

#### 11. Phân đợt xây dựng và các dự án ưu tiên đầu tư

| Stt      | Các công trình, dự án                   | Quy mô                 | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | GD thực hiện |          |
|----------|-----------------------------------------|------------------------|----------------------|--------------|----------|
|          |                                         |                        |                      | Đến 2025     | Đến 2030 |
| <b>1</b> | <b>Giao thông</b>                       |                        |                      |              |          |
|          | Mở rộng Đường tỉnh 946                  | 2,8km                  | 25                   | x            |          |
|          | Mở rộng Đường huyện 17                  | 5,7km                  | 55                   | x            |          |
| <b>2</b> | <b>Trụ sở - Cơ quan</b>                 |                        |                      |              |          |
|          | Xây dựng mới trạm y tế                  | 1.109m <sup>2</sup>    | 4                    | x            |          |
| <b>3</b> | <b>Công trình văn hóa, sân thể thao</b> |                        |                      |              |          |
|          | Nhà văn hóa xã                          | 4.615m <sup>2</sup>    | 7,0                  | x            |          |
|          | Nhà văn hóa các ấp                      | ≥300m <sup>2</sup> /ấp | 11                   | x            |          |
|          | Sân Thể thao các ấp                     | ≥500m <sup>2</sup> /ấp | 3,0                  |              | x        |
|          | Công viên                               | 5.472                  | 5,0                  |              | x        |
|          | Sân vận động trung tâm                  | 12.391                 | 10                   |              | x        |
| <b>4</b> | <b>Trường học</b>                       |                        |                      |              |          |
|          | Xây dựng mới trường mầm non             | 5.000m <sup>2</sup>    | 80                   | x            |          |
|          | Mở rộng trường trung học cơ sở          | 1,2ha                  | 20                   | x            |          |
|          | Xây dựng mới trường THPT                | 9.011                  | 120                  | x            |          |
| <b>5</b> | <b>Xây dựng cụm công nghiệp Hòa An</b>  |                        | (theo dự án)         | x            | x        |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                        |                        | <b>340</b>           |              |          |

Trên đây là nội dung chủ yếu của đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới Hòa An huyện Chợ Mới đến năm 2030, kính đề nghị phòng kinh tế hạ tầng huyện Chợ Mới thẩm định, phê duyệt, đồng thời ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho UBND xã Hòa An thực hiện và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. ĐU- HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT, QH.

**TM UBND XÃ HÒA AN  
CHỦ TỊCH**



*Phạm Văn Dương*